

Chương 2

KIẾN TRÚC ĐÌNH AN HÒA

2.1. Lịch sử hình thành

Cư dân Việt đến vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai khá sớm, có thể từ thế kỷ XV, XVI. Đó là những đợt di dân có tính tự phát của những người dân từ miền Trung vào. Một số tư liệu cho rằng: “*Vùng đất miền Đông Nam bộ nói chung, vùng đất Đồng Nai nói riêng vào cuối thế kỷ XVI, về cơ bản vẫn còn là một vùng đất hoang vu, chưa được khai phá. Cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, vùng đất Đồng Nai trở nên sôi động với sự xuất hiện của lớp cư dân Việt từ miền Thuận Quảng di cư vào. Bị khổ sở điêu đứng, những người dân miền Thuận Quảng phải rời bỏ quê hương bản quán, tìm đất sống. Đồng Nai - vùng đất gần như vô chủ lại mâu mỗ, phì nhiêu đã thu hút mạnh mẽ lưu dân Việt. Làn sóng di cư tự phát của lưu dân người Việt vào đất Đồng Nai ngày càng tăng. Thành phần lưu dân rất đa dạng, gồm: nông dân nghèo, người trốn tránh binh dịch, sưu thuế, tù nhân bị lưu đày, binh lính đào ngũ, thầy lang, thầy đồ nghèo và cả những người vốn đã giàu có nhưng vẫn muốn tìm nơi*

*đất mới để mở rộng công việc làm ăn. Những di dân người Việt thuộc lớp tiên phong đi vào vùng đất mới Đồng Nai theo phương thức tự động, đi lẻ tẻ. Có những trường hợp cả gia đình, hoặc người khỏe mạnh đi trước rồi đón gia đình đến sau hay một số gia đình kết lại thành nhóm cùng đi với nhau. Phương tiện di chuyển chính là thuyền buồm và ghe bầu vì thời bấy giờ việc đi lại giữa các phủ miền Trung với vùng đất mới Đồng Nai chủ yếu là bằng đường biển. Dĩ nhiên cũng có người vì không có ghe thuyền, phải mạo hiểm trèo đèo vượt suối đi dần từng chặng một, đến một địa phương ở một thời gian, thấy trụ được thì ở luôn, thấy không trụ lại được thì đi tiếp, cứ thế lần hồi rồi cũng vào tới vùng đất mới Đồng Nai”**

Làng Bền Gõ xưa - An Hòa nay thuộc vùng đất Đồng Nai, ven tả ngạn sông Đồng Nai với vị trí: Có đường sông để đi lại, có rừng núi để khai thác lâm sản, có cánh đồng để trồng lúa, chăn nuôi... trở thành một địa điểm thuận lợi được các lớp cư dân Việt chọn để sinh tụ, lập làng. Trong quá trình khẩn hoang, lập nghiệp trên vùng đất mới, người Việt từng bước khẳng định sự tồn tại của cộng đồng bằng

* *Tình uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Địa chí Đồng Nai. Tập III - Lịch sử. NXB Tổng hợp Đồng Nai. 2001*

việc ra sức xây dựng một cuộc sống ổn định. Trong đời sống tinh thần, người Việt hình thành những cơ sở tín ngưỡng sinh hoạt cộng đồng để gắn kết cộng đồng, thỏa mãn nhu cầu tâm linh. Thông thường, mỗi làng người Việt đều có một ngôi đình. Người xưa chọn đất dựng đình thờ thần để đáp ứng nhu cầu tâm linh làng xã nhưng cũng chính là ước vọng sự sung túc, thịnh vượng của cả cộng đồng. Nên thường, ngôi đình được xây dựng trên những “cuộc đất” có long mạch quý, phong cảnh minh quang tỏa xuất các hướng theo quan niệm về thuật phong thủy.

Cùng với các cơ sở tín ngưỡng khác, đình An Hòa ra đời cũng không ngoài quy luật đó. Người dân Bến Gỗ - An Hòa đến với vùng đất mới, họ lập nên một ngôi đình để thờ vị thần bảo hộ “cuộc đất” mà cả làng đã chọn để tụ cư. Tên gọi đình An Hòa cũng không ngoài quy luật chung của cách gọi tên đình ở Nam Bộ. Thường tên gọi của các ngôi đình gắn liền với tên gọi của làng. Đó là những tên gọi của làng khi mới thành lập hay khi làng mới có tên - so với ngày nay là làng xưa. Người dân quen gọi là đình làng. Cụm từ này chỉ rõ yếu tố ban đầu là đình của làng - một đơn vị cư trú truyền thống của người Việt.

An Hòa là tên của thôn, của làng An Hòa xưa trong vùng Bến Gỗ rộng lớn ven sông.

Hiện nay, chưa phát hiện tài liệu nào đề cập đến sự hình thành của đình An Hòa một cách chính xác. Căn cứ vào chữ bằng mực tàu viết trên tấm biển gỗ treo ở xà ngang trong nhà Võ ca ghi là “Dựng miếu năm 1792” cho thấy một niên đại cụ thể liên quan đến đình. Thế nhưng, niên đại này cũng chỉ phản ánh đình vốn được hình thành trên cơ sở của một ngôi miếu do người dân địa phương lập nên. Niên đại 1792 có thể là bắt đầu của việc miếu của làng được chuyển thành đình của làng An Hòa. Còn gốc tích hay sự tạo dựng của ngôi miếu đầu tiên của làng An Hòa này chắc chắn có trước đó rất lâu, kể từ khi người dân Việt lập làng này. Ban đầu những cơ sở tín ngưỡng như miếu ở làng thôn Nam Bộ nói chung, Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng; trong đó có làng An Hòa được dựng lên với quy mô nhỏ, bằng những vật liệu tre, lá, cây gỗ sẵn có ở địa phương.

2.2. Các đợt trùng tu lớn

Kể từ khi tạo dựng cho đến nay, đình An Hòa đã trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa. Trong đó, có các mốc trùng tu lớn được ghi nhận vào các năm: 1944, 1953, 1994, 2009.

- Lần trùng tu vào năm 1944: Do ảnh hưởng của các đợt mưa trong năm, nước ứ đọng, tạo nên ẩm thấp đã làm ảnh hưởng đến nền đình, các cột bị thấm nước và có nguy cơ mục. Người dân An Hòa thực hiện việc nâng nền của đình lên cao thêm khoảng 0,3 mét. Các cột được nối dài thêm 01m để nâng cao toàn hệ thống mái của khu chánh điện. Tường bao quanh khu chánh điện cũng được nâng thêm chiều cao cho phù hợp. Đợt trùng tu nâng nền, mái đình tạo cho không gian trong đình thông thoáng.

- Lần trùng tu vào năm 1953: Trong thời điểm 1953, vùng An Hòa nói riêng hay Biên Hòa nói chung bị quân Pháp chiếm đóng. Quân Pháp chiếm lấy đình làm đồn. Mãi đến năm 1954, quân Pháp mới rút đi. Trong tình hình như vậy, người dân An Hòa đấu tranh yêu cầu lính Pháp xuất tiền đền bù để nhân dân sửa lại một số hạng mục của đình như: Thay đòn tay, lót gạch tàu ở tam cấp, tô lại đầu rùa bên phải mái đình. Nhân dịp sửa chữa này, dân làng đóng góp công của xây dựng lại nhà Võ ca ở phía trước chánh điện, xây thêm phần sau của nhà khách, xây tường bao có ba cửa hình vòm ở hai bên đầu đốc tiền sảnh.

- Lần trùng tu vào năm 1994: sau khi đình An Hòa được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích

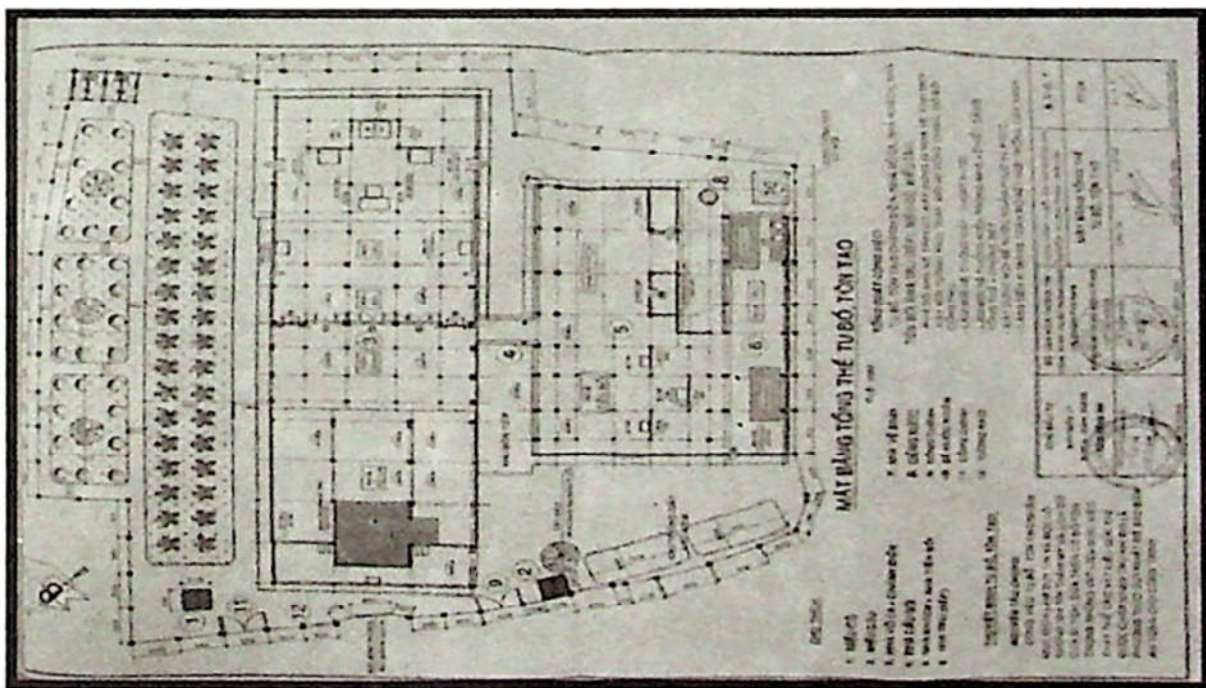
kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia (Quyết định số 100/VH-QĐ, ngày 21/01/1989), cũng là thời kỳ ngôi đình bị xuống cấp khá nghiêm trọng. Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Bảo tồn - Bảo tàng đã cấp 400 triệu đồng cùng với nguồn kinh phí của địa phương, nhà Bảo tàng đã tiến hành trùng tu, tôn tạo các hạng mục: xây dựng lại nhà Võ ca, thay vì kèo và gạch tàu lát nền, chỉnh trang các trang thờ trong Chánh điện, tu sửa hệ thống mái, tường xây, cột xây, nền gạch tàu khu nhà Tiền bồi và nhà khách, sơn son thiếp vàng toàn bộ hoành phi, liễn đối đình.

- Lần trùng tu vào năm 2009: Đình bị xuống cấp nghiêm trọng ở tất cả các hạng mục trong cấu kết kiến trúc chung. Được sự chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về



việc tu bổ, tôn tạo di tích; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã giao cho Ban Quản lý Di tích Danh thắng là chủ đầu tư. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật do công ty Mỹ thuật Trung ương chi nhánh phía Nam khảo sát, thực hiện với tổng mức kinh phí đầu tư 4.486.012.000 đồng (Bốn tỉ bốn trăm triệu không trăm mười hai ngàn đồng chẵn) bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án và chi phí khác, dự trừ phí...

Nguồn vốn đầu tư gồm: Vốn chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ngân sách do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Đồng Nai hỗ trợ cho các hạng mục: Khu Chánh điện, nhà Võ ca, nhà khách nhà Tiên bồi, nhà Trù, miếu Cô, miếu Cậu, cổng, tường rào, hệ thống chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy. Nguồn vốn xã hội hóa hoạt động di tích cho các hạng mục sân, đường, cây xanh nội bộ, cấp thoát nước toàn khu.



Năm 2008, hồ sơ dự án tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật đình An Hòa hoàn chỉnh. UBND tỉnh đã ra quyết định số 4439/QĐ-UBND, ngày 24/12/2008 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu số 1 (xây lắp) công trình tu bổ, tôn tạo di tích Đình An Hòa huyện Long Thành (nay thuộc Tp. Biên Hòa). Ngày 07/1/2009, Phân viện Khoa học Xây dựng Miền Trung - Đơn vị trúng thầu thi công đã tiến hành khởi công và sau 9 tháng gấp rút thực hiện dự án tu bổ, tôn tạo di tích đình An Hòa đã hoàn thành.



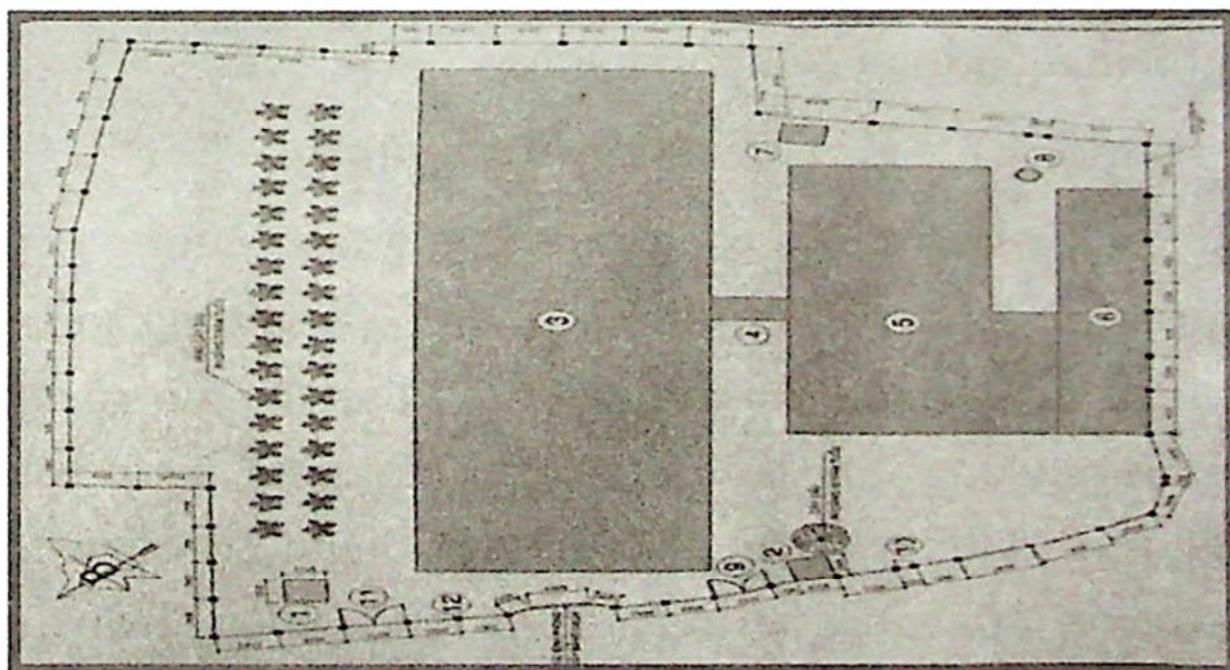
Ngày 30/9/2009 công trình được các Sở, ban ngành của tỉnh và địa phương liên quan tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đây là một đợt tu bổ lớn theo đúng quy định của Luật Di sản Văn hóa; Quy

chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Nguyên tắc, kỹ thuật trùng tu, tu bổ - tôn tạo di tích bảo tồn được các yếu tố nguyên gốc, được quy mô, kiểu thức của ngôi đình làng Nam bộ xưa. Sự thành công của dự án là kết quả nỗ lực rất lớn của các Sở, Ban ngành chức năng và nhân dân địa phương.

Các hạng mục tu bổ, tôn tạo khang trang, sạch đẹp: Khu Chánh điện, nhà Võ ca, nhà Khách, nhà Tiền bồi, nhà Trù, nhà vệ sinh, miếu Cô, miếu Cậu; hệ thống cấp thoát nước, hệ thống chiếu sáng toàn khu; hệ thống chống sét; phòng cháy chữa cháy, hệ thống sân đường nội bộ, hệ thống cổng + tường rào.

2.3. Không gian kiến trúc

Đình An Hòa tọa lạc trong khuôn viên rộng 2.750 m², xây dựng theo hướng Đông - Nam, mặt



hướng ra sông Đông Nai thuận theo thuyết phong thủy. Ban đầu đình bố trí mặt bằng tổng thể kiến trúc theo dạng chữ nhị (二) gồm khu Chánh điện và nhà Tiền bái. Về sau, giữa khu Chánh điện và nhà Tiền bái được nối lại với nhau bằng một nhà Cầu tạo ra lối kiến trúc chữ công (工).

Ngày nay, di tích kiến trúc - nghệ thuật đình An Hòa là một công trình tín ngưỡng khang trang, bề thế với nhiều hạng mục kiến trúc được bố trí hài hòa như: Nhà Võ ca, Tiền sảnh, nhà Bái, nhà Cầu, Chánh điện, nhà Tiền bái, miếu Cô, miếu Cậu, cổng, bình phong, bia xếp hạng di tích, sân đường nội bộ và hệ thống tường rào bao quanh tạo thành một tổng thể kiến trúc khép kín, đặc trưng của đình làng Nam Bộ xưa. Trong khuôn viên di tích bố trí hệ thống cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa tạo ra không gian cảnh quan hài hòa; nên thơ kết hợp hài hòa với không gian kiến trúc thâm nghiêm, cổ kính của ngôi đình.

2.3.1. Cổng đình và bình phong

Thông thường, cổng đình dựng trên đường dẫn vào đình, hay các bên đình tùy thuộc vào từng vị trí tọa lạc ngôi đình, vào hướng chính dẫn đến cơ sở tín ngưỡng. Cổng đình An Hòa hiện nay gồm hai cổng: Bên trái và bên phải của bức bình phong. Mỗi cổng có hai cánh cửa sắt sơn màu xanh nước biển. Hai trụ

công gắn kỳ lân
với ý nghĩa
kiểm soát tâm
hồn kẻ hành
hương vào đình.



Nằm trên
trục chính của
ngôi đình và gắn với hệ thống tường rào ngoài mặt
tiền là bức bình phong án ngữ làm nhiệm vụ trấn yểm
tà ma không cho vào quấy phá trong đình. Trước đây,
mặt trước bức bình phong vẽ hình Long mã màu sắc
rực rỡ, mặt sau là bài thơ Tứ tuyệt bằng chữ Hán theo
lối chữ chân. Nội dung như sau:

Nguyên văn:

制 其 外 以 閉
利 往 來 惟 念
存 乎 中 而 克
敬 出 入 思 誠

Phiên âm:

Chế kỳ ngoại dĩ bế
Lợi vãng lai duy niệm
Tôn hồ trung nhi khắc
Kính xuất nhập tư thành.

Tam dich:

Khép đề ngăn bên ngoài
Chỉ nghĩ lợi vãng lai
Khắc đề giữ bên trong
Vô ra chân thành ngay.

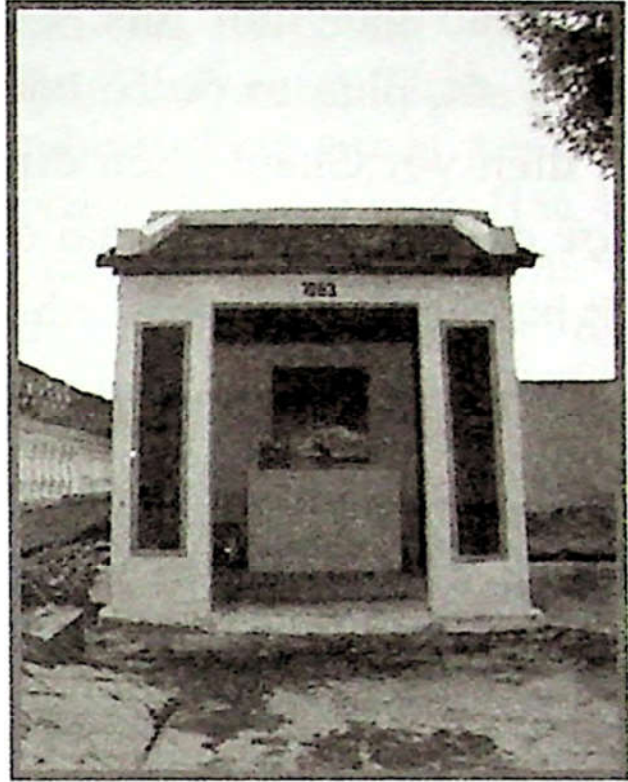
Đợt trùng tu năm 2009, bức bình phong có một số thay đổi. Mặt trước, đắp nổi hình chúa Sơn lâm bằng nghệ thuật đắp sành, đầu chúa Sơn lâm nhô cao. Hai bên trụ biểu viết câu đối chữ Quốc ngữ nội dung: *An khang thịnh vượng trung thôn xã. Hòa khí xuân thu đại hưng niên.* Chữ đầu của hai câu ghép lại là chữ “An Hòa”. Mặt sau bức bình phong thể hiện Long mã thay cho bài thơ Tứ tuyệt. Việc thay đổi này được lý giải: Hình hổ vàng biểu hiện của âm, long mã biểu hiện của dương, với ý nghĩa âm dương hòa hợp, mưa thuận gió hòa.

Trên các trụ biểu bình phong gắn kỳ lân bằng gốm, biểu đạt ý nghĩa mong muốn thái bình, thịnh vượng cho dân làng, cũng như nhắc nhở mỗi con người khi đến đình cần giữ tấm lòng chân thành.

2.3.2. Miếu thờ

Khi bước vào cổng đình An Hòa, có hai ngôi miếu. Miếu bên phải thờ Chúa Lò, Chúa Sắt. Người

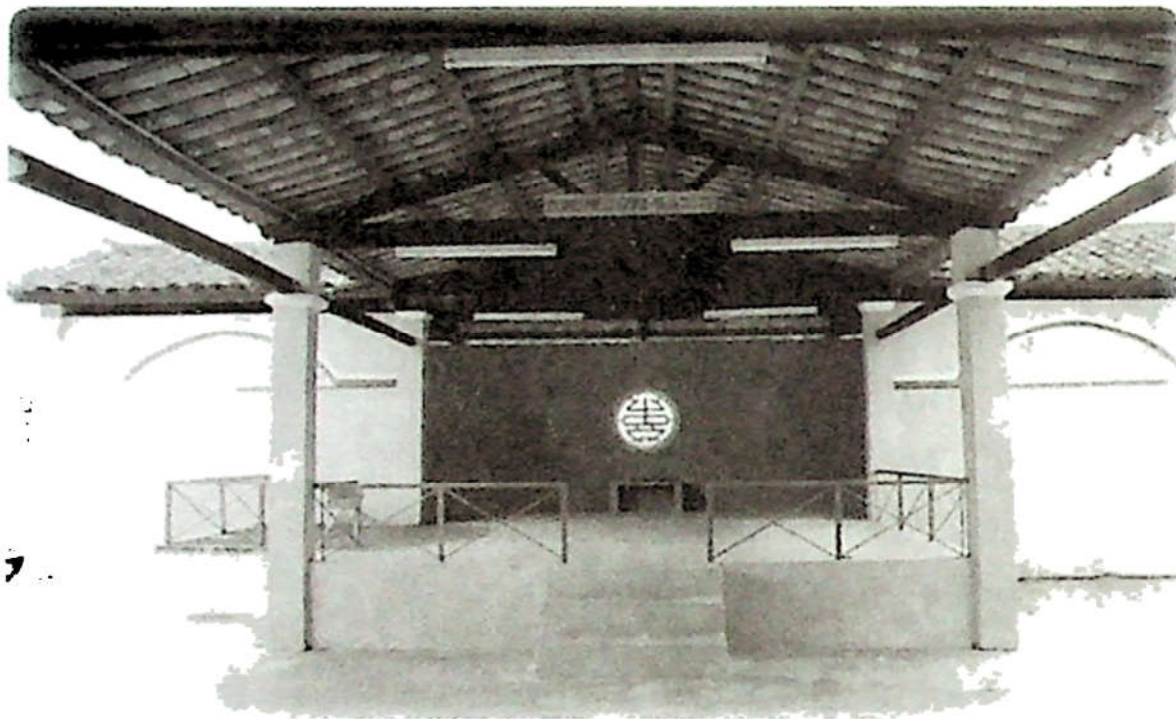
dân quen gọi là miếu Cậu. Miếu bên trái đình thờ Thiên Phi nương nương, nhân dân quen gọi là miếu Cô. Trong có bàn thờ và hương án viết bằng chữ Hán trên tường, sơn son thiếp vàng. Các miếu được xây dựng năm 1963. Quy mô kiến trúc hai miếu giống nhau. Đợt sửa chữa năm 2009 tạo nên một diện mạo mới cho hai miếu này với mái lợp ngói vảy cá, tường xây, nền lót gạch tàu.



2.3.3. Nhà Võ ca

Là nơi diễn ra các nghi hát xướng trong dịp lễ Kỳ yên mà đình có tổ chức Xây châu - Đại bội. Nguyên trước là một sân khấu nhỏ, được xây riêng biệt ở trước đình và mặt tiền đối diện với Chánh điện, không có tường bao quanh. Năm 1953, nhà Võ ca được xây dựng lại toàn bộ theo kiểu nhà cấp 4, ba gian, 2 mái, khung sườn bằng gỗ, nền lót gạch tàu, mái lợp ngói âm dương. Tường xây bao quanh ba mặt có cửa ở hai bên hông lối ra vào của các diễn viên hát

bội. Phần sân khấu xưa bằng gỗ nay xây bằng xi măng cao gần một mét. Chung quanh sân khấu có khung sắt, phía trước có bậc Tam cấp lên xuống mặt đối diện với Chánh điện đình. Năm 2000, nhà Võ ca được coi nới thêm hai mái ở bên hông tạo ra sự bố trí mặt bằng nhà kiểu chữ đinh (丁) như ngày nay.



Nhà Võ ca được trang trí đơn giản. Trên hai bức tường xây mặt tiền sân khấu điểm hoa văn “hoa lá hóa rồng” dưới hình thức đắp nổi, sơn nhiều màu. Bức tường phía sau sân khấu gắn bông gió là một chữ thọ để lấy gió và ánh sáng tạo sự thông thoáng cho không gian bên trong sân khấu.

Việc bố trí nhà Võ ca đối xứng với Chánh điện là để dân chúng ngồi xem hát bội cùng với Thần Thành Hoàng như để khẳng định rằng Thần và dân luôn gần gũi nhau, có sự bình đẳng trong xem hát. Điều này cũng khác với cách trình diễn ở Bắc bộ, trong hát cửa đình, hát nhà trò... người xem hát không được ngồi quay lưng lại phía của Thần vì điều đó là cấm kỵ. Hiện tượng này cho thấy quan niệm và ý thức về vị Thần Thành Hoàng làng ở hai miền Nam và Bắc có sự khác nhau.

2.3.4. Tiền sảnh

Tiền sảnh nối tiếp và thông với nhà Võ ca là nơi sửa soạn đi vào làm lễ phía bên trong nhà Bái và Chánh



điện. Kiến trúc Tiền Sảnh xuất hiện rất nhiều trong kiến trúc dân dụng nhà cổ Nam bộ. Kiểu thức kiến trúc ba gian hai chái, hai mái lợp ngói âm dương, bờ nóc không trang trí hoa văn. Nền kiến trúc lát gạch tàu, tường xây gạch thẻ tô vữa ở hai bên hông. Các bức tường này đều có 3 cửa ra vào mỗi cửa không xây theo kiểu hình chữ nhật mà là hình vòm (kiểu voban) để lấy ánh sáng vào bên trong. Đây có lẽ là dấu tích của đợt trùng tu năm 1953.

Tiền sảnh kết cấu bốn hàng cột, gồm 12 cột gỗ cắm xe tròn đường kính Ø30cm, cao 7,4m. Phía dưới các chân cột được kê trên chân tảng bằng đá xanh vuông. Hệ thống xiên, trính theo kiểu “vỏ đậu đũa” để liên kết các cột cái và cột quân với nhau; đồng thời kết hợp với cột chống (chông) ở giữa kiểu bình nước và kéo hạ đỡ mái ngói lên cao và mở rộng về hai phía. Bộ khung sườn kiến trúc đều được gắn kết theo kỹ thuật ghép mộng, chốt truyền thống. Tiền sảnh bài trí rất nhiều bức hoành phi và liễn đối bằng gỗ trên hệ thống cột và xiên. Các hoành phi, liễn đối chạm chìm hoặc chạm nổi chữ Hán, đường diềm chạm họa tiết hoa văn truyền thống và được sơn son thếp vàng.

+ **Hoành phi:** (theo thứ tự từ ngoài nhìn vào, từ phải sang trái):

致 中 和

(Trí trung hòa. Nghĩa: Hết sức trung hòa).

護 國 庇 民

(Hộ quốc tý dân. Nghĩa: Giúp nước che chở dân)

參 造 化

(Tham tạo hóa. Nghĩa: Tham dự cùng tạo hóa)

英 灵

(Anh linh. Nghĩa: Tốt đẹp thiêng liêng).

萬 古 英 灵

(Vạn cổ anh linh. Nghĩa: Tốt đẹp thiêng liêng muôn đời).

英 灵 顯 應

(Anh linh hiển ứng. Nghĩa: Tốt đẹp thiêng liêng ứng nghiệm rõ ràng).

+ **Liễn đối:**

- **Hàng cột thứ hai:**

Nguyên văn:

濯 應 千 秋 海 晏 河 清 欽 聖 德

顯 灵 萬 古 風 調 雨 順 賴 神 恩

Phiên âm:

Trạc ứng thiên thu hải yển hà thanh khâm thánh

đức

Hiền linh vạn cổ phong điều vũ thuận lại thần ân.

Tam dịch:

Trạc ứng ngàn thu biển lặng sông trong kính
trọng đức thánh,

Hiền linh muôn thuở gió hòa mưa thuận nhờ cậy
ơn thần.

- Hàng cột thứ 3:

Nguyên văn:

玉影照禪門三寶長流心廣度
龍光蟠佛殿萬安沾仰德慈悲

Phiên âm:

Ngọc ảnh chiếu thiền môn Tam bảo trường lưu
tâm quang độ,

Long quang bàn Phật điện vạn an triêm ngưỡng
đức từ bi.

Tam dịch:

Ảnh ngọc chiếu cửa thiền Tam bảo trường lưu
lòng rộng độ,

Ánh rồng khoan điện Phật muôn lành thấm
đượm đức từ bi.

Nhìn chung, nội dung các bức hoành phi, liễn
đôi đều ca tụng các vị thần linh được thờ và cầu mong
một cuộc sống ấm no hạnh phúc, thần và người luôn

gần gũi với nhau. Đồng thời thể hiện sự bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống của dân tộc.

2.3.5. Nhà Bái

Tiếp nối với Tiên sảnh là nhà Bái, ngăn cách với nhau bởi hệ thống cửa gỗ và tường xây có cửa ra vào hình vòm. Đây là nơi hành lễ khi thực hiện các nghi thức trong lễ cúng thần. Không gian được khép kín cùng với nhà Cầu và Chánh điện bằng hệ thống tường bao xây gạch thẻ tô vữa, sơn màu vàng ở hai bên hông và mặt sau.

Nhà Bái theo kiểu thức nhà 3 gian, 2 trái, lợp ngói vẩy cá và ngói âm dương, nền lót gạch tàu. Trên mái gắn cặp rồng châu pháp lam bằng gốm men xanh thể hiện khát vọng cầu mưa, cầu được mùa. Hệ thống cửa chia làm cửa chính và cửa phụ. Cửa chính gồm 3 bộ lớn ở giữa, cửa phụ gồm 2 bộ ở hai bên. Tất cả các cửa đều làm theo kiểu thượng song hạ bản*. Nhà Bái được tạo dựng bởi hai hàng cột gỗ tròn đường kính Ø40cm, kiểu thượng thu hạ thách và hai hàng cột gỗ

* Một phần ba phía trên là những song cửa, hai phần ba phía dưới là bản gỗ. Cửa theo kiểu này với dụng ý hạn chế người phàm tục nhìn ngó vào nơi linh thiêng của Thần, đó cũng là sự tôn kính đối với vị Thần được thờ trong Chánh điện.

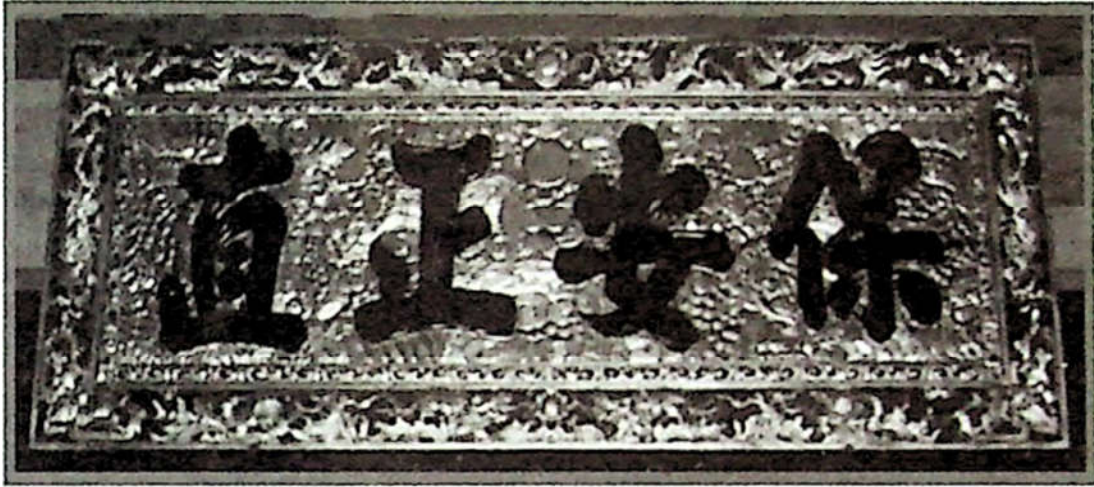
vuông (25cm x 25cm) hai bên. Tất cả đế cột được kê trên các chân tảng bằng đá xanh. Hệ thống cột, vì kèo vuông ở hai đầu hồi nhà Bái đờ hai mái phụ hai bên tạo ra hành lang nhỏ và nằm ngược chiều với mái gian giữa. Toàn bộ khung sườn của gian giữa bằng gỗ căm xe và ba mặt được chạm khắc nổi các họa tiết hoa văn truyền thống: Cúc, sen, vân xoắn, vân sóng nước... Các đầu dư đều được chạm khắc hình đầu rồng cách điệu, hai trụ đỡ hai bộ vì ở gian giữa được chạm hình cá chép. Đặc biệt, ở các xiên trính chạm nổi hình ảnh lưỡng long châu nhật, xung quanh là hình vân xoắn. Các bước Cốn ở hai bên hành lang được chạm toàn bộ hình dơi, xung quanh là hoa lá triền chi... thể hiện ước vọng một cuộc sống hạnh phúc, sung túc. Nghệ thuật chạm trổ đạt của các nghệ nhân xưa đạt đến trình độ điêu luyện, mỗi chi tiết đều sắc nét, nhưng không kém phần mềm mại, tác phẩm như có hồn, trở nên sống động giữa không gian cổ kính, linh thiêng và tĩnh mịch.

Không gian nội thất nhà Bái còn được trang trí khá nhiều liên đới, hoành phi bằng chữ Hán viết và chạm theo lối chữ chân và chữ thảo trên các hàng cột và xà dọc có giá trị văn hóa, nghệ thuật cao.

+ **Hoành phi**

萬法精通

(Vạn pháp tinh thông. Nghĩa: Muôn pháp tinh thông)



保安正直

(Bảo An chính trực. Nghĩa: Bảo an ngay thẳng).

+ **Liên đới**

- Hai cột ngoài gian giữa:

Nguyên văn:

聖德遍萬方俗美風淳盛世

皇恩周六合民康物阜豐年

Phiên âm:

Thánh đức biên vạn phương tục mỹ phong thuần thịnh thế,

Hoàng ân chu lục hợp dân Khang vật phụ phong niên.

Tam dich:

Đức thánh khắp muôn phương đời thịnh trị tục
đẹp đẽ phong thuần lương,

Ôn vua đây sáu cõi năm trủng mùa dân yên ổn
vật đủ đầy.

- Hai cột trong gian giữa:

Nguyên văn:

盛德庇鄉村百姓在光天化日
威靈扶宇宙萬民登壽域春臺

Phiên âm:

Thịnh đức tí hương thôn bách tánh tại quang
thiên hóa nhật,

Uy linh phù vũ trụ vạn dân dăng thọ vực xuân
đài.

Tam dich:

Thạch đức che chở xóm làng trăm họ tại trời
sáng ngày lành,

Oai linh giúp đỡ cõi đời muôn dân lên vực thọ
đài xuân.

Nhà Bái không bài trí hương án chỉ bày một bàn
thờ Hội đồng ngoại bằng gỗ ở gian giữa giáp ranh với
nhà Cầu để bài trí lễ vật trong dịp cúng tế của đình,
đặc biệt là các nghi thức trong lễ Kỳ Yên.

2.3.6. Nhà Cầu



Là nơi hành lễ, nằm ở vị trí nối giữa Chánh điện và nhà Bái. Kiểu thức kiến trúc theo dạng ba gian hai chái, lợp ngói âm dương, nền lót gạch tàu. Hai bên đầu đốc là hệ thống tường bao xây bằng gạch thẻ, tô vữa, sơn vàng. Nhà Cầu kết cấu kiến trúc có nét riêng biệt, bao gồm hai hàng, tám cột gỗ căm xe tròn đường kính Ø40cm. Tất cả các cột này được liên kết với nhau bởi hệ thống trên (trính), xà dọc (xiên) và đều đỡ trực tiếp đòn dông và 4 đòn tay. Mỗi bộ khung đỡ mái gồm có hai cột cái, hai bên nối với nhau bởi một cây trính, trên trính dựng hai cột tròn đỡ trực tiếp đòn tay, nối hai cột tròn là một cây trính nhỏ bằng $\frac{1}{2}$ cây

trính lớn, trên cây trính nhỏ là một cây cột trốn nằm ở giữa làm nhiệm vụ đỡ đòn dong mái. Nối kết chặt với các khung đỡ được ghép bằng hệ thống mộng chốt vững chắc và cân đối. Điều đặc biệt ở đây là không có các kèo mái đỡ đòn dong và đòn tay.

Nghệ thuật trang trí chạm khắc trong nhà Cầu cũng khá đặc sắc. Trên các cây trính và cây xiên đều chạm nổi tinh xảo các đề tài truyền thống: Hoa lá hóa rồng, vân xoắn, vân sóng nước, đường hồi văn. Các đầu trính chạm khắc hình đầu rồng cách điệu. Nhà Cầu cũng bài trí rất nhiều hoành phi và liễn đối viết chữ Hán ca ngợi sự uy linh, cao quý, ứng nghiệm của thần linh; sự gìn giữ và thực thi lễ giáo nghiêm chỉnh của dân làng.

+ Hoành phi:

- 欽英風

(Khâm anh phong. Nghĩa: Khâm mộ phong thái anh linh của Thần)

- 國泰民康

(Quốc thái dân Khang. Nghĩa: Đất nước bình yên, dân no đủ)

- 威靈聖智

(Uy linh thánh trí. Nghĩa: Tứ của đức thánh rất oai linh)

- 英灵顯應

(Anh linh hiển ứng. Nghĩa: Cao quý linh thiêng, ứng nghiệm rõ ràng).

+ **Liên đôi**

- Hai cột trước gian giữa:

Nguyên văn:

茲念濟人千年護持超淨景

澄心現世大法光明達早春

Phiên âm:

Từ niệm tế nhân thiên niên hộ trì siêu tịnh cảnh
Trùng tâm hiện thế đại pháp quang minh đạt tảo
xuân.

Tam dịch:

Niệm lành giúp người ngàn năm hộ trì vượt tịnh
cảnh,

Tâm lắng hiện đời pháp lớn sáng rõ đạt tảo xuân.

- **Hai cột cái gian giữa:**

- Nguyên văn:

安富尊灵聖德汪洋今若古

和平忠正神恩浩蕩北而南

Phiên âm:

An phú tôn linh thánh đức uông dương kim
nhược cổ,

Hòa bình trung chính thân ân hạo dăng bắc nhi nam.

Tam dịch:

Yên ôn giàu có tôn vinh đức thánh mênh mang xưa tới nay,

Hòa hợp an bình trung chánh ơn thần dào dạt bắc vào nam.

Không gian nhà Cầu bài trí ba bàn hương án ở ba gian (các bàn thờ Hội đồng ngoại). Trên các bàn thờ nay đều bày biện các đồ tự khí* Hai bên vách tường của nhà Cầu bài trí hai bàn thờ (hướng chánh diện nhìn ra cửa): Bàn bên trái thờ Tiên sư, bàn thờ bên phải thờ Thổ Công. Hình thức thờ dưới dạng chữ Hán viết trực tiếp lên tường.

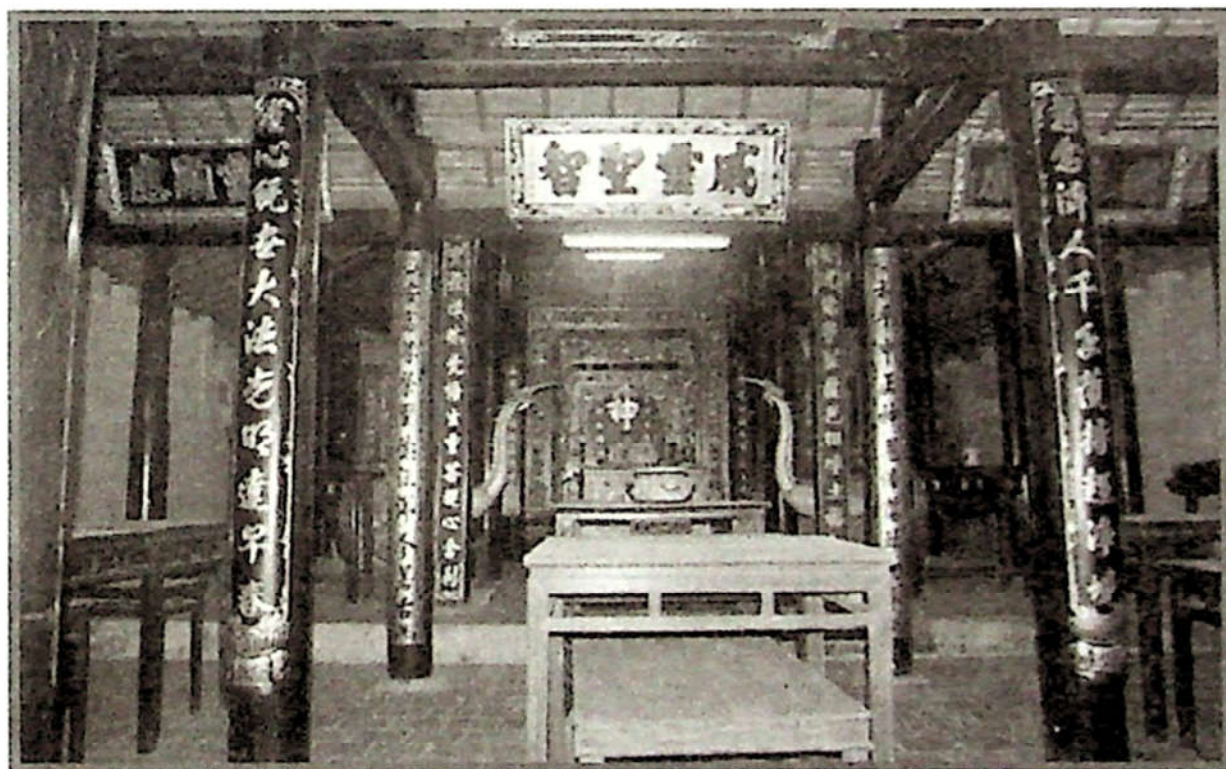
2.3.7. Chánh điện

Chánh điện là khu vực trung tâm có vai trò quan trọng trong toàn bộ không gian kiến trúc đình. Đây là nơi ngự trị của thần và các bộ hạ của thần nên kết cấu kiến trúc, sự bài trí đồ thờ có những nét đặc trưng riêng.

Chánh điện có kiểu thức nhà ba gian hai trái truyền thống ở Nam Bộ. Mái lợp ngói vẩy cá, trên bờ nóc mái gắn cặp “lưỡng long triều pháp lam” bằng

* Gồm: Bình hồng, chò trái cây, lư hương, chân đèn. Trong lễ cúng thần thì bày lễ vật xôi, thịt.

gồm men xanh biểu trưng cho âm dương hòa hợp, mưa thuận gió hòa, thể hiện khát vọng cầu mưa, cầu được mùa của cư dân vùng đất mới An Hòa. Các khâu đao, đầu mái trang trí tượng gồm “cá chép hóa rồng” cũng bằng gốm men xanh biểu trưng cho sự phát triển của tạo hóa, sự sung túc về tài lộc. Nền Chánh điện lát gạch tàu cao hơn nhà Cầu 30cm như để thể hiện sự tôn kính và ngưỡng vọng với Thần Thành Hoàng Bồn Cảnh. Toàn bộ phần mái được đỡ bằng hệ thống 4 hàng 16 cột gỗ căm xe tròn đường kính Ø40cm đặt trên các chân tảng đá xanh. Hai bên đầu đốc Chánh điện trổ hai cửa nhỏ hai cánh làm theo kiểu thượng song hạ bản.



Bộ khung sườn kiến trúc chánh điện mang đậm nét kiến trúc truyền thống đình làng Nam bộ. Từ bốn cột cái liên kết với nhau bằng hệ thống xiên, trính làm theo kiểu “vỏ đậu đùi éch”, mở rộng ra bốn phía bởi hệ thống kèo dâm, kèo quyết, cột quân và các cột xây âm tường ba mặt. Các bộ phận liên kết bằng hệ thống mộng, chốt truyền thống có tính năng chịu lực cao và rất cân đối. Vì kèo còn chạm khắc các họa tiết hình học, liên hoa, hồi văn đối xứng nhau. Đặc biệt, ở hai cây xiên gian giữa Chánh điện được cách điệu hóa với cách thức chạm nổi hình Luồng long triều nhật (đầu rồng và thân là xương cá đao nổi thành hai khúc, ẩn hiện trong mây). Ngoài ra các đầu đao, đuôi trính được chạm khắc hình đầu rồng cách điệu, các bức cốn chạm thủng hình rồng ẩn mây, cá chép hóa rồng, cúc liên chi, mây sóng nước, dơi ngự lâm môn... Đây là những đề tài biểu tượng ước mơ thịnh vượng, tốt lành. Hệ thống hoành phi, liễn đối chạm khắc tinh tế, sơn son thếp vàng lộng lẫy với nội dung:

經 贈 保 安

(Kinh tặng bảo an. Nghĩa: *Trước đây đã được tặng qua là thần bảo an*).

Nguyễn văn:

寶聚禪林覺悟生靈菩提心舍利

安成梵宇莊嚴色相淨度福如來

Phiên âm:

Bửu tự Thiên lâm giác ngộ sinh linh Bồ đề tâm
Xá lợi,

An thành Phạm vũ trang nghiêm sắc tướng Tịnh
độ phước Như Lai.

Tam dịch:

Bửu tự về nơi Thiên lâm giác ngộ chúng sanh,
tâm Bồ đề Xá lợi,

An tạo thành chốn chùa chiền trang nghiêm sắc
tướng, phước Tịnh độ Như Lai.

Nguyên văn:

正氣乾坤同北斗泰山共仰

英風宇宙與秋霜烈日爭嚴

Phiên âm:

Chính khí càn khôn đồng Bắc đẩu thái sơn cộng
ngưỡng,

Anh phong vũ trụ dữ thu sương liệt nhật tranh
nghiêm.

Tam dịch:

Chính khí đất trời cùng Bắc đẩu Thái sơn chung
ngưỡng mộ

Anh phong vũ trụ với sương lạnh trời nóng tranh
nghiêm trọng.

Về mặt bố trí các hương án thờ thần linh cũng tuân thủ theo bài trí truyền thống đình làng Nam bộ. Tuy nhiên cũng có sự khác biệt về số lượng hương án và giá trị mỹ thuật.

Khu vực phía sau hương án thờ thần tức khoảng cách từ hàng cột quân nằm theo chiều dọc đến tường xây không bài trí, để trống, xem như hậu trường để phục vụ việc tế lễ. Đây là nét độc đáo về cách bố trí của đình An Hòa. Thông thường ở một số đình hương án thờ thần và Tả ban, Hữu Ban được đặt ngay sát tường.

Đình An Hòa đặt bàn thờ thần ở gian chính giữa (hai cột cái phía sau). Phần dưới xây bệ xi măng trên để khánh thờ bằng gỗ cao gần tới cây xiên. Đường diềm của khánh thờ được khắc chạm hoa lá hóa rồng, dơi ngậm quả, rồng phun nước, sơn son thếp vàng. Trong khánh thờ đặt hương án bằng gỗ phía trên viết chữ đại tự lớn “神” (Thần) thếp vàng quý. Chữ “Thần” ở đây ngoài ý nghĩa tượng trưng cho Thần Thành hoàng được tôn thờ còn là biểu tượng văn hóa chữ viết của một làng. Những vị nho gia, chức sắc có uy tín, “thần bút” ở địa phương mới vinh dự được cầm đề.